

Số: 138/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” như sau:

1. Bổ sung các điểm d, đ tại khoản 2 Mục I Điều 1 như sau:

“d) Đến năm 2025: Cơ sở dữ liệu 4.000 hồ sơ công nghệ nước ngoài được tổng hợp; 400 công nghệ được chuyển giao; 10 công nghệ được giải mã, làm chủ; 4.000 cán bộ, kỹ thuật viên, quản trị viên trong các doanh nghiệp, tổ chức



được tập huấn, đào tạo về tìm kiếm công nghệ, giải mã làm chủ công nghệ, đánh giá công nghệ, chuyển giao công nghệ thông qua hình thức trực tiếp và trực tuyến; thiết lập mạng lưới 200 đối tác công nghệ quốc tế; số lượng dự án FDI có chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp trong nước tăng trung bình 10%/năm; 30% doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chủ lực trong các ngành ưu tiên có đầu tư hạ tầng nghiên cứu phát triển phục vụ chuyển giao, hấp thụ công nghệ;

đ) Đến năm 2030: Cơ sở dữ liệu 10.000 hồ sơ công nghệ nước ngoài được tổng hợp; 1000 công nghệ được chuyển giao; 30 công nghệ được giải mã, làm chủ; 10.000 cán bộ, kỹ thuật viên, quản trị viên trong các doanh nghiệp, tổ chức được tập huấn, đào tạo về tìm kiếm công nghệ, giải mã làm chủ công nghệ, đánh giá công nghệ, chuyển giao công nghệ thông qua hình thức trực tiếp và trực tuyến; thiết lập mạng lưới 500 đối tác công nghệ quốc tế; số lượng dự án FDI có chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp trong nước tăng trung bình 15%/năm; 70% doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chủ lực trong các ngành ưu tiên có đầu tư hạ tầng nghiên cứu phát triển phục vụ chuyển giao, hấp thụ công nghệ.”

2. Bổ sung điểm c tại khoản 2 Mục II Điều 1 như sau:

“c) Thu hút các doanh nghiệp nước ngoài và các tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài đầu tư, thành lập cơ sở nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam.”

3. Sửa đổi các điểm a, b tại khoản 3 Mục II Điều 1 như sau:

“a) Hỗ trợ nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ sư, cán bộ nghiên cứu, cán bộ kỹ thuật cho các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ thông qua đào tạo chuyên sâu tại nước ngoài hoặc mời chuyên gia nước ngoài làm việc và đào tạo tại Việt Nam;

b) Hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức và kỹ năng về tìm kiếm, đàm phán, đánh giá, thẩm định giá, chuyển giao, hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp;”

4. Sửa đổi các điểm a, b, bổ sung điểm đ tại khoản 5 Mục II Điều 1 như sau:

“a) Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp: nghiên cứu, đào tạo, tìm kiếm, phân tích, đánh giá, thẩm định, giải mã, chuyển giao công nghệ; chi phí thuê chuyên gia công nghệ người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia công nghệ nước ngoài trong việc kết nối, tìm kiếm, tư vấn chuyển giao công nghệ;

b) Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp thực hiện dự án chuyển giao, giải mã, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam;”

“đ) Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp tìm kiếm, khai thác tài sản trí tuệ, tư vấn về sở hữu trí tuệ; thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng.”.

5. Bổ sung các điểm c, d tại khoản 6 Mục II Điều 1 như sau:

“c) Tổ chức, hỗ trợ các chuyên gia, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ tham gia các hội nghị, diễn đàn công nghệ, sự kiện kết nối, xúc tiến chuyên giao công nghệ quốc tế;

d) Đẩy mạnh tìm kiếm, huy động các nguồn kinh phí của đối tác nước ngoài (hỗ trợ phát triển; vốn vay ưu đãi; viện trợ không hoàn lại;...) để thực hiện các chương trình, dự án tìm kiếm, chuyên giao công nghệ nước ngoài.”

6. Sửa đổi Mục III, Điều 1 như sau:

“III. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án được bảo đảm từ:

a) Ngân sách nhà nước dành cho khoa học và công nghệ cấp cho Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành, địa phương;

b) Nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Các nguồn vốn hỗ trợ phát triển (vốn ODA, vốn vay ưu đãi, viện trợ không hoàn lại);

d) Các nguồn tài chính hợp pháp khác của tổ chức, cá nhân và các quỹ đầu tư trong nước, nước ngoài.

2. Nội dung và định mức hỗ trợ kinh phí nhà nước cho các hoạt động của Đề án áp dụng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, quy định hiện hành của các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia, hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành khác có liên quan.”

7. Sửa đổi các điểm c, đ, bổ sung điểm e tại khoản 1 Điều 2 như sau:

“c) Xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách nhà nước chi cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về tìm kiếm thông tin công nghệ, bí quyết công nghệ và chuyên giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam;”

“đ) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương cập nhật và khai thác dữ liệu chung về nguồn cầu công nghệ trong nước, nguồn cung công nghệ/chuyên gia công nghệ nước ngoài, đối tác công nghệ quốc tế, các dịch vụ

hỗ trợ tìm kiếm, chuyên giao, làm chủ và phát triển công nghệ nước ngoài, tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ;”

“e) Xây dựng, ban hành, triển khai Chương trình tìm kiếm và chuyên giao công nghệ nước ngoài đến năm 2030” và hướng dẫn việc tổ chức thực hiện Chương trình.”.

8. Sửa đổi điểm a, bổ sung điểm c tại khoản 3 Điều 2 như sau:

“a) Cân đối, bố trí kinh phí sự nghiệp và kinh phí phù hợp để các bộ, ngành, địa phương triển khai cho các nhiệm vụ thực hiện Đề án;”

“c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát, hướng dẫn về tài chính để thực hiện các nội dung của Đề án nếu cần thiết.”.

9. Sửa đổi điểm b tại khoản 5 Điều 2 như sau:

“b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát, cung cấp thông tin về nhu cầu công nghệ, chuyên gia công nghệ, đối tác công nghệ, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, chuyên giao, làm chủ và phát triển công nghệ nước ngoài của các ngành, lĩnh vực, địa phương;”

10. Sửa đổi điểm a, b, bổ sung điểm đ tại khoản 7 Điều 2 như sau:

“a) Chủ động xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích hợp tác, hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm, chuyên giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam;

b) Xây dựng và triển khai các kế hoạch, chương trình trên cơ sở phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ nhằm đảm bảo đạt được các mục tiêu chung của Đề án;”

“đ) Chủ động bố trí nguồn vốn, tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án, trong đó tập trung vào các nội dung sau để đáp ứng mục tiêu của Đề án: Xác định nhu cầu công nghệ; hỗ trợ hoạt động chuyên giao công nghệ thông qua giới thiệu, kết nối, tư vấn; thu hút dự án đầu tư của doanh nghiệp FDI có kèm theo đào tạo, chuyên giao công nghệ và tham gia chuỗi giá trị cho các doanh nghiệp nội địa; đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện dự án chuyên giao công nghệ, làm chủ công nghệ; thông tin tuyên truyền; tổng hợp kết quả về ứng dụng công nghệ, tiếp thu, làm chủ công nghệ và kết quả triển khai Đề án.”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

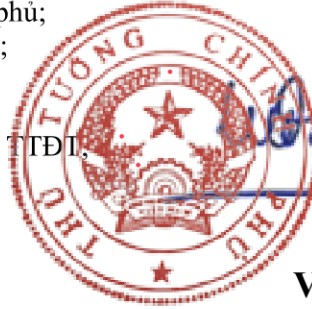
Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TĐII, các Vụ: KTTH, CN, NN, ĐMDN, TH;
- Lưu: VT, KGVX (2b).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Vũ Đức Đam

Vũ Đức Đam